TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 65/2018/HS-PT
Ngày: 15 – 8 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Lâm

Bà Trần Thị Kim Sang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2018/TLPT-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo Vũ Thị C, Trần Thị N, Ngô Thị Trúc M, Trần Thị T, Hà Thị M1, Đào Thị T1 và Phạm Thị B do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Vũ Thị C, sinh năm 1966 tại Campuchia. Nơi cư trú: Số 173, tổ 22, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Công S (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); có chồng tên Phạm Văn T, không có con; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 04/12/2017 bị xử phạt 200.000 đồng về hành vi gây mất trật tự công cộng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2017 đến ngày 09/02/2018, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

2/ Trần Thị N, sinh năm 1952 tại Campuchia. Nơi cư trú: Số 03, tổ 19, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình D (chết) và bà Đỗ Thị N (chết); có chồng tên Phạm Quang H và 03 con; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 04/12/2017 bị xử phạt vi phạm hành

chính về hành vi gây mất trật tự công cộng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/12/2017 đến ngày 09/02/2018, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

3/ Ngô Thị Trúc M, sinh năm 1968 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số 140, tổ 20, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn K (chết) và bà Hồ Thị C (chết); có chồng tên Phạm Văn A và 03 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

4/ Trần Thị T, sinh năm 1957 tại Campuchia. Nơi cư trú: Số 196, tổ 22, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị Kim N (chết); có chồng tên Hà Văn N và 03 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

5/ Hà Thị M1, sinh năm 1957 tại Campuchia. Nơi cư trú: Số 02, tổ 19, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị Đ (chết); chồng, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

6/ Đào Thị T1, sinh năm 1960 tại Campuchia. Nơi cư trú: Tổ 22, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Kim C (chết) và bà Bùi Thị P (chết); có chồng tên Nguyễn Văn Đ (đã ly hôn) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

7/ Phạm Thị B, sinh năm 1946 tại Campuchia. Nơi cư trú: Số 16, tổ 21, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị A (chết); có chồng tên Phạm Văn T (chết) và 06 con; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 9/2017, tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, do cho rằng xe ô tô vận chuyển cát xây dựng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn V từ đường DH805 ra đường 785 không tuân thủ tốc độ, quá tải, lưu thông vào giờ học sinh đi học, gây ô nhiễm nên một số hộ dân đã có hành vi ngăn chặn các xe ô tô này. Sự việc đã được chính quyền địa phương tổ chức đối T, công ty V đã khắc phục, cơ quan chức năng đã có quy định cụ thể về tải trọng, thời gian được phép lưu thông, gắn biển báo theo quy định và ra kết luận về sự việc. Tuy nhiên Vũ Thị C, Trần Thị N, Hà Thị M1, Đào Thị T1, Trần Thị T, Ngô Thị Trúc M, Phạm Thị B cùng một

số đối tượng khác không chấp nhận nên vẫn tiếp tục chặn đường, buộc xe phải quay lại bãi bỏ cát xuống mới được đi đường DH805 ra, cụ thể:

Ngày 28/11/2017, C, N, M1, và các đối tượng khác ngăn cản 03 xe. Ngày 29/11/2017, C, N, M1, T1 và đối tượng khác ngăn cản 03 xe. Do đó, C, N và 01 đối tượng khác bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Ngày 11/12/2017, C, N, M, M1, T1 và B ra đường đứng, ngồi, nằm trước đầu 03 xe ô tô chở cát để ngăn cản không cho lưu thông, lớn T1g la lối khiến nhiều người dân tập trung ra đường xem gây mất trật tự, ách tắc giao thông trên đường DH805 từ 14 giờ đến 16 giờ 30 phút cùng ngày. Chính quyền địa phương giải thích, vận động các bị cáo giải tán nhưng các bị cáo không đồng ý. Giao thông và trật tự chỉ được ổn định khi lực lượng Công an hành lập biên bản vi phạm hành chính, lúc này một số bị cáo lợi dụng đông người rời khỏi hiện trường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố.

Bản án số 34/2018/HS-ST ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt Vũ Thị C và Trần Thị N mỗi bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt Ngô Thị Trúc M, Trần Thị T, Hà Thị M1 và Đào Thị T1 mỗi bị cáo 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p, m khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Xử phạt Phạm Thị B 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Các bị cáo bị xử phạt về tội "Gây rối trật tự công cộng".

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra, án còn tuyên án phí, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 và 27/5/2018, các bị cáo Ngô Thị Trúc M, Đào Thị T1, Trần Thị T, Phạm Thị B, Hà Thị M1, Trần Thị N và Vũ Thị C kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin được miễn trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo do các bị cáo không đủ điều kiện quy định tại Điều 29 của Bộ luật Hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo M, T1, T, B, M1, N và C: Các bị cáo phạm tội do bức xúc và không hiểu biết pháp luật. Xin Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ngô Thị Trúc M, Đào Thị T1, Trần Thị T, Phạm Thị B, Hà Thị M1, Trần Thị N và Vũ Thị C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 11/12/2017, các bị cáo đã có hành vi ngăn cản 03 xe ô tô chở cát lưu thông từ đường DH805 ra Tỉnh lộ 785, đồng thời lớn tiếng la lối dẫn đến hậu quả khiến nhiều người đến tập trung gây mất trật tự tại địa phương, ách tắc giao thông trên đường DH805 từ 14 giờ đến 16 giờ 30 phút cùng ngày. Cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm các tội "Gây rối trật tự công cộng" với tình tiết định khung "Gây cản trở giao thông nghiêm trọng" theo quy định tại đểm c khoản 2 Điều 245 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền được lưu thông bình thường của các phương tiện, tình hình giao thông bình thường, trực tiếp gây mất trật tự công cộng, ảnh hưởng đến an toàn công cộng tại địa phương. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, thấy rằng: Sự việc xe ô tô chở cát đã được chính quyền địa phương nhiều lần tổ chức đối T và có kết luận, các bên có liên quan không đồng ý với kết luận được quyền tiếp tục khiếu nại đến cơ quan cấp trên hoặc các cơ quan khác có chức năng giám sát, xử phạt để yêu cầu xem xét. Đường DH805 là tuyến đường quan trọng đối với dân cư trong khu vực, trên đường có trường học và tại giao lộ với đường Tỉnh lộ 785 có chợ. Trước lần phạm tội thì các bị cáo C, N và M1 đã 02 lần thực hiện hành vi gây rối trật tự tương tự, trong đó các bị cáo C và N đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 11/12/2017, khi xảy ra sự việc, chính quyền địa phương đã vận động nhưng các bị cáo vẫn không có ý thức ngừng hành vi vi phạm pháp luật, đến khi người có

thẩm quyền tiến hành làm thủ tục xử phạt vi phạm hành chính thì các bị cáo M, T, T1 và B còn lợi dụng đông người tự ý rời khỏi hiện trường để trốn tránh trách nhiệm.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, hiểu biết rõ trật tự công cộng và việc lưu thông trên đường DH805 là quyền lợi hợp pháp của người dân nhưng vì tức giận, để thỏa mãn sự ích kỷ cá nhân của mình nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, đến khi hậu quả xảy ra và được vận động nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử lý nghiêm các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Quá trình giải quyết vụ án đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo C có chồng là bộ đội nghỉ theo chế độ. Bị cáo N có mẹ là bà mẹ Việt Nam anh hùng, có chồng là bộ đội mất sức lao động đồng thời bị nhiễm chất hóa học ảnh hưởng nặng đến sức khỏe. Bị cáo B là người trên 70 tuổi. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho tất cả các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1 Điều 46; bị cáo C, N được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46; bị cáo B hưởng thêm điểm m khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để tạo điều kiện thuận lợi cho các bị các tiếp tục duy trì cuộc sống bình thường trong gia đình và xã hội là phù hợp, không nặng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mang tính nghiêm trọng do lỗi có ý nên không đủ điều kiện miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt quy định tại Điều 25 hoặc Điều 54 của Bộ luật Hình sự nên không có cơ sở chấp nhận. Giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Thị C, Trần Thị N, Ngô Thị Trúc M, Đào Thị T1, Trần Thị T, Hà Thị M1 và Phạm Thị B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo **Vũ Thị C** 02 *(hai)* năm 06 *(sáu)* tháng tù cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo **Trần Thị N** 02 *(hai)* năm 06 *(sáu)* tháng tù cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo **Ngô Thị Trúc M** 02 *(hai)* năm tù cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo **Trần Thị T** 02 *(hai)* năm tù cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo **Hà Thị M1** 02 *(hai)* năm tù cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo **Đào Thị T1 02** *(hai)* năm tù cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 245; điểm p, m khoản 1 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Xử phạt bị cáo **Phạm Thị B** 02 *(hai)* năm tù cho hưởng án treo.

Các bị cáo bị xử phạt về tội "Gây rối trật tự công cộng".

Thời gian thử thách của các bị cáo C và N là 05 (năm) năm kể từ ngày 15/5/2018. Thời gian thử thách của các bị cáo M, T, M1, T1 và B là 04 (bốn) năm kể từ ngày 15/5/2018.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Vũ Thị C, Trần Thị N, Ngô Thị Trúc M, Đào Thị T1, Trần Thị T, Hà Thị M1 và Phạm Thị B mỗi người phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Vân

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh TN;
- CQHSNVCS CA huyện;
- TAND cấp huyện;
- VKSND cấp huyện;
- Bị cáo;
- Lưu THS, hồ sơ vụ án.